

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ – ST

Ngày: 16/3/2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai: bà Đàm Thị Thủy, chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số 180/TLST–HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đoàn Thị Thùy T, sinh năm 1993

Trú tại: Tổ A, ấp L, xã X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh Trần Kim Trọng L, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn F, xã N, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2025 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thùy T trình bày: chị Nguyễn Thị Thùy T1 và anh Trần Kim Trọng L tự nguyện chung sống từ năm 2016 đến năm 2017 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong tính cách và suy nghĩ, vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, anh L có hành vi đánh đập chị T1, chửi bới, có những lời lẽ xúc phạm chị T1, chị T1 có thai anh L không có trách nhiệm gì với vợ con nên chị T1 đã về chung sống cùng cha, mẹ ruột và sống ly thân với anh L từ tháng 6/2018 liên tục đến

nay. Hiện nay chị T1 thấy không còn tình cảm với anh L, không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh L nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giải quyết cho chị T1 được ly hôn với anh Trần Kim Trọng L.

Về con chung: có 02 người con chung là cháu Trần Kim Q, sinh ngày 23/12/2016; cháu Trần Đoàn Phan S, sinh ngày 12/02/2019; sau ly hôn chị T1 có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đoàn Phan S, sinh ngày 12/02/2019 đến khi cháu thành niên; giao cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Kim Q, sinh ngày 23/12/2016 đến khi cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; trong thời gian vợ chồng sống ly thân và hiện nay anh Trần Kim Trọng L nuôi dưỡng cháu Q, chị T1 nuôi dưỡng cháu S.

Về tài sản, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trần Kim Trọng L: anh L có đăng ký cư trú tại thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là thôn F, xã N, tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh L không có mặt tại địa phương; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và nhắc tin trên B, sóng truyền hình Việt Nam, cổng thông tin điện tử của Tòa án, yêu cầu anh L đến Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai để làm việc nhưng anh L không đến, không cung cấp lời khai, không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp tài liệu, chứng cứ như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 51, 56, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đoàn Thị Thùy T được ly hôn với anh Trần Kim Trọng L; về con chung có 02 người con chung là cháu Trần Kim Q, sinh ngày 23/12/2016; cháu Trần Đoàn Phan S, sinh ngày 12/02/2019; sau ly hôn giao cho anh Trần Kim Trọng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Kim Q, sinh ngày 23/12/2016; giao cho chị Đoàn Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đoàn Phan S, sinh ngày 12/02/2019, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị Đoàn Thị Thùy T và giấy kết hôn do chị T giao nộp hợp pháp tại Tòa án, xác định được chị Đoàn Thị Thùy T và anh Trần Kim Trọng L tự nguyện kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Thùy T và anh Trần Kim Trọng L là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị T cho rằng giữa chị T và anh L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong tính cách và suy nghĩ, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, anh L có hành vi đánh đập chị T, chửi bới, xúc phạm chị T, chị T có thai cháu thứ hai anh L không có trách nhiệm gì với vợ con nên chị T đã sống ly thân từ tháng 6/2018 liên tục đến nay. Hiện nay chị T thấy không còn tình cảm với anh L, không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh L nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Trần Kim Trọng L. Phía anh L đã bỏ đi khỏi địa phương, Tòa án đã tiến hành nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh L không đến Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai để làm việc, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng xác định được giữa chị T và anh L có xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân kéo dài, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ mặc nhau. Như vậy, có căn cứ xác định giữa chị T và anh L là có mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2] Về con chung: có 02 người con chung là cháu Trần Kim Q, sinh ngày 23/12/2016; cháu Trần Đoàn Phan S, sinh ngày 12/02/2019; sau ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đoàn Phan S đến khi cháu thành niên; giao cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Kim Q đến khi cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Qua lời khai của người làm chứng và giấy khai sinh xác định được anh chị Đoàn Thị Thùy T và anh Trần Kim Trọng L có 02 con chung là cháu Trần Kim Q, sinh ngày 23/12/2016; cháu Trần Đoàn Phan S, sinh ngày 12/02/2019; trong thời gian chị T và anh L sống ly thân, anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu S; quá trình tòa án thụ lý vụ án anh L và cháu Q không có mặt tại địa phương, tòa án đã tiến hành niêm yết, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh L không đến tòa án để làm việc, do đó không tiến hành lấy lời khai của cháu Q được; xét thấy để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt cần chấp nhận yêu cầu của chị T; giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đoàn Phan S đến khi cháu thành niên; giao cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Kim Q đến khi cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đoàn Thị Thùy T được ly hôn với anh Trần Kim Trọng L. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: có 02 con chung là cháu Trần Kim Q, sinh ngày 23/12/2016; cháu Trần Đoàn Phan S, sinh ngày 12/02/2019; sau ly hôn giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đoàn Phan S đến khi cháu thành niên; giao cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Kim Q đến khi cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thùy T nộp 300.000 đồng tiền án phí

hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0007255, ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH